

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HS-PT

Ngày: 25 - 9 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoài Nam

*Các Thẩm phán:* Ông Mai Anh Tuấn

Bà Mai Thị Minh Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Văn Bình, bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký  
Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 50/2020/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Trần Văn D và đồng phạm, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định và kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

***- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:***

1. **Trần Văn D**, sinh năm 1956; giới tính: Nam; nơi cư trú: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Hưu trí; nguyên Chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Đảng phái: Đảng viên Đảng CSVN, bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 29/8/2019; bố đẻ: Trần Văn B (đã chết); mẹ đẻ: Nguyễn Thị S (đã chết); vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; Con: có 02 con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1985. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2019 đến ngày 30/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh.

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn D:* Ông Trần Việt H – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Trí Việt, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

2. **Nguyễn Quốc L**, sinh năm 1962; giới tính: Nam; nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/10; nghề nghiệp: Hưu trí, nguyên Bí thư Đảng ủy xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, nguyên Đại biểu HĐND xã N, đã bị tạm đình chỉ công tác ngày 29/8/2019; Đảng phái: Đảng viên Đảng CSVN, bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 09/01/2020; bố đẻ: Nguyễn Văn S (đã chết); mẹ đẻ: Trần Thị Th (đã chết); vợ: Lê Thị T1, sinh năm 1962; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/8/2019.

3. **Trần Phát Đ**, sinh năm 1976; giới tính: Nam; nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ địa chính xã N, đã bị tạm đình chỉ công tác ngày 19/11/2019; Đảng phái: Đảng viên Đảng CSVN, bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 29/8/2019; bố đẻ: Trần Ngọc C (đã chết); mẹ đẻ: Trịnh Thị L, sinh năm 1955; vợ: Đào Hồng Th1, sinh năm 1978; Con: 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2019 đến ngày 30/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

*\* Bị cáo bị kháng nghị, không kháng cáo:*

**Nguyễn Văn T**, sinh năm 1962; giới tính: Nam; nơi cư trú: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Nguyên phó Chủ tịch UBND xã N, đã bị tạm đình chỉ công tác ngày 19/11/2019, nguyên Đại biểu HĐND xã N đã bị tạm đình chỉ công tác ngày 25/10/2019; Đảng phái: Đảng viên Đảng CSVN, bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 24/10/2019; bố đẻ: Nguyễn Văn T2 (đã chết); mẹ đẻ: Cù Thị Nh (đã chết); vợ: Trần Thị Ng, sinh năm 1966; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 23/10/2019 đến ngày 30/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc D1 - Chủ tịch ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

*- Người làm chứng:* Ông Trần Quốc T3, ông Trịnh Quang T4, ông Đoàn Văn L2.

*(Tại phiên tòa có mặt: Bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Quốc L, Trần Phát Đ, Nguyễn Văn T, luật sư Trần Việt H, đại diện Ủy ban nhân dân xã N ông Đào*

*Ngọc D1; vắng mặt người làm chứng ông Trần Quốc T3, ông Trịnh Quang T4, ông Đoàn Văn L2 )*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 17/7/2012 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định, Kế hoạch số 54/KH – UBND ngày 02/10/2012 của UBND tỉnh Nam Định về tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác quản lý nhà nước về đất đai, Hướng dẫn số 42/STNMT- Ttra ngày 09/01/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định (viết tắt là Hướng dẫn số 42) về việc thành lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện phương án xử lý đối với những trường hợp sử dụng đất không hợp pháp trên địa bàn tỉnh Nam Định và quán triệt Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung chỉ đạo trong năm 2013 cơ bản hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 25/5/2013 UBND huyện Nam Trực tiến hành tổ chức hội nghị tập huấn triển khai thực hiện Hướng dẫn số 42/STNMT- Ttra và Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 09/01/2013 của UBND tỉnh Nam Định, trong đó yêu cầu UBND cấp xã, tập trung phương án xử lý theo Hướng dẫn số 42/STNMT- Ttra, cơ bản thực hiện xong năm 2013 cho các cá nhân, đơn vị có liên quan trong toàn huyện Nam Trực, trong đó xác định UBND cấp xã có trách nhiệm thành lập Hội đồng xử lý vi phạm đất đai và Tổ công tác giúp việc hội đồng xử lý. Tổ công tác giúp việc thực hiện việc lập phương án xử lý theo các bước trong đó việc đầu tiên là rà soát, phân loại nguồn gốc, xác định diện tích, hành vi vi phạm, lập biểu thống kê các trường hợp sử dụng đất không hợp pháp và về kinh phí đo đạc thực hiện theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng chính phủ và Kế hoạch số 54/KH – UBND ngày 02/10/2012 của UBND tỉnh Nam Định. Cụ thể: Tại điểm d mục 1 Chỉ thị số 1474/CT-TTg quy định: “Bổ trí đủ kinh phí từ ngân sách địa phương, bảo đảm giành 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuế đất để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên”. Tại điểm d mục 2 phần II Kế hoạch 54/KH quy định: “Đảm bảo chi đủ 10% tiền thu từ cấp quyền sử dụng đất cho công tác quản nhà nước về đất đai...”.

Thành phần dự tập huấn của xã N gồm Nguyễn Quốc L – Bí thư Đảng ủy xã, Trần Văn D – Chủ tịch xã, Trần Phát Đ – Cán bộ địa chính.

Sau khi tham dự hội nghị tập huấn, với vai trò là người đứng đầu cấp ủy, Nguyễn Quốc L đã triệu tập hội nghị ban chấp hành Đảng ủy xã N để ban hành Quyết định số 27/QĐ-ĐU ngày 05/6/2013 thành lập Ban chỉ đạo xử lý các trường

hợp sử dụng đất không hợp pháp với 10 thành viên do Nguyễn Quốc L – Bí thư đảng ủy xã làm Trưởng ban, Trần Văn D – Chủ tịch UBND xã làm Phó trưởng ban thường trực.

Ngày 05/6/2013, Trần Văn D ban hành Quyết định số 26/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng xử lý đối với những trường hợp sử dụng đất không hợp pháp trên địa bàn xã N gồm 14 thành viên do Trần Văn D làm Chủ tịch hội đồng, Trần Phát Đ là thành viên tham gia. Đồng thời cùng ngày, Trần Văn D ký Quyết định số 27/QĐ-UBND thành lập tổ công tác thẩm định phương án xử lý gồm 13 thành viên do ông Đào Văn Th2 – Phó Chủ tịch UBND xã N làm Tổ trưởng, Trần Phát Đ làm tổ phó và Quyết định số 28/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí phục vụ tổ công tác thẩm định phương án xử lý đối với những trường hợp sử dụng đất không hợp pháp trên địa bàn xã N với số tiền là 65.000.000 đồng.

Sau đó Trần Văn D chỉ đạo Trần Phát Đ tham mưu, đề xuất phối hợp với đơn vị chuyên môn đo đạc là Trung tâm công nghệ, kỹ thuật, địa chính thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cử cán bộ chuyên môn về đo đạc giúp. Trần Văn D cử Trần Phát Đ tham gia cùng tổ công tác đo đạc và các xóm trưởng nơi các hộ dân có đất vi phạm. Việc đo đạc được tiến hành từ tháng 7/2013 đến tháng 11/2013 thì hoàn thành. Trong quá trình thực hiện, kinh phí chi cho công tác đo đạc hết 66.500.000 đồng, số tiền này Trần Phát Đ đề xuất và được Trần Văn D duyệt chi từ ngân sách UBND xã.

Đến năm 2014, để hoàn lại số tiền kinh phí đã chi thực hiện công tác đo đạc, xử lý vi phạm theo hướng dẫn số 42/STNMT- Ttra, Trần Văn D đã chỉ đạo Trần Phát Đ tham mưu thu tiền phí đo đạc đối với các hộ dân có diện tích đất vi phạm.

Ngày 30/5/2014, Ban chấp hành Đảng ủy xã N tổ chức họp, dưới sự chủ trì của Nguyễn Quốc L – Bí thư Đảng ủy chỉ đạo Hội đồng xử lý đất đai và đồng ý cho thu tiền phí đo đạc.

Sau đó, dựa trên kết quả đo đạc và tham khảo mức giá quy định tại Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nam Định về thu tiền đối với hộ dân tách thửa, không áp dụng đối với hộ dân có đất vi phạm. Trần Văn D giao cho Nguyễn Văn T là kế toán UBND xã, ông Trần Quốc T3 là thủ quỹ UBND xã, ông Trịnh Quang T4 là cán bộ hợp đồng ủy nhiệm thu, phối hợp với Trần Phát Đ để tiến hành thu tiền đo đạc của các hộ vi phạm đất đai trên địa bàn. UBND xã N đã trực tiếp gửi giấy mời đến từng hộ dân, đồng thời thông qua các xóm trưởng để vận động người dân trực tiếp đến UBND xã nộp tiền đo đạc. Khi các hộ dân đến UBND xã nộp tiền, ông Trịnh Quang T4 căn cứ vào danh sách các hộ có diện tích đất vi phạm do Trần Phát Đ cung cấp, viết biên lai (phiếu thu) cho từng hộ, sau đó giao bản sao cho các hộ dân để đến nộp tiền cho ông Trần Quốc T3. Quá trình

thực hiện, do ông Trần Quốc T3 đang đi học, nên đa số các phiếu thu đều do ông Trịnh Quang T4 viết và thu tiền luôn của các hộ dân. Những trường hợp ông Trịnh Quang T4 thu tiền, ông Tùng ký tên bên cạnh đề mục thủ quỹ. Còn những trường hợp ông Trần Quốc T3 thu tiền, thì ông T4 sẽ ký ở đề mục người lập biểu. Đến cuối ngày ông Trịnh Quang T4 tổng hợp danh sách và số tiền thu được để chuyển lại cho ông Trần Quốc T3. Bản chính của các phiếu thu sau đó được ông Trịnh Quang T4 chuyển về bộ phận kế toán, thủ quỹ là Nguyễn Văn T và ông Trần Quốc T3 để hoàn thiện thủ tục nhập tiền vào quỹ UBND xã. Kết quả từ ngày 30/5/2014 đến ngày 22/12/2014 đã thu của 194/295 hộ dân, tổng số tiền là 171.628.276 đồng. Sau khi thu tiền ở giai đoạn đầu, ngày 12/6/2014, Nguyễn Văn T nộp 45.000.000 đồng vào Kho bạc nhà nước huyện Nam Trực, nhưng do không thuộc danh mục thu nên không nộp được. Nguyễn Văn T đã báo cáo lại với Trần Văn D và viết lại phiếu thu, với nội dung nộp là “Thu tiền hoa lợi công sản 2014”. Số tiền thu lệ phí đo đạc tiếp theo là 126.628.276 đồng không nhập được vào Kho bạc nên Nguyễn Văn T đã làm thủ tục để nhập vào quỹ của UBND xã.

Số tiền thu phí đo đạc của 194 hộ dân có đất vi phạm là 171.628.276 đồng được Trần Văn D chỉ đạo sử dụng để chi một phần cho công tác đo đạc theo hướng dẫn 42/STNMT- Ttra, còn lại chi cho các hoạt động khác của UBND xã. Sau đó số tiền phí đo đạc đất vi phạm đã thu, các bị cáo đã nộp lại trả lại cho các hộ dân cụ thể: Trần Văn D nộp 71.628.276 đồng, Trần Phát Đ nộp 60.000.000 đồng và Nguyễn Văn T nộp 40.000.000 đồng.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2020/HS-ST ngày 28/4/2020, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc L, Trần Văn D, Trần Phát Đ và Nguyễn Văn T phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giam từ ngày 28/8/2019 đến ngày 30/10/2019.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L 09 ( chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Phát Đ 12 (mười hai ) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giam từ ngày 28/8/2019 đến ngày 30/10/2019.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 /6/ 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7, điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám ) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 ( mười sáu) tháng, tính từ ngày 28/4/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt bổ sung, về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 28/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định quyết định kháng nghị phúc thẩm số 639/QĐ-VKS-P7 với nội dung: Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến hết tháng 12/2014, các bị cáo là những người có chức vụ quyền hạn đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thu tiền trái quy định pháp luật đối với 194 hộ dân ở xã N có diện tích đất vi phạm, với tổng số tiền là 171.628.276 đồng. Nhưng tòa án cấp sơ thẩm không xác định 194 hộ dân này tham gia tố tụng với tư cách là bị hại, không triệu tập họ tham gia phiên tòa nên cũng không tuyên quyền kháng cáo cho họ là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ nên kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 358 BLTTHS 2015 hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Quyết định hình phạt đối với các bị cáo trong vụ án chưa đảm bảo sự công bằng trong việc cá thể hóa hình phạt.

Ngày 04/5/2020 bị cáo Trần Văn D kháng cáo với nội dung: Bản thân bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi ở và địa chỉ rõ ràng, trong quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo không có mục đích tư lợi cá nhân, không được hưởng lợi gì, khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả xảy ra và hậu quả là không lớn, bản thân bị cáo có quá trình tham gia quân ngũ, hiện là bệnh binh. Trong quá trình công tác tại địa phương có nhiều thành tích đóng góp, được tặng thưởng nhiều bằng khen,

giấy khen. Hiện tại tình trạng sức khỏe của bị cáo rất kém, tuổi đã cao, mắc nhiều bệnh nặng là tiểu đường, thoái hóa khớp, huyết áp cao, gan nhiễm mỡ... phải điều trị liên tục kéo dài. Đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Quốc L kháng cáo với nội dung: Bị cáo là cán bộ, đảng viên chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước và có nhiều cống hiến trong công tác, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen. Bản thân có nhiều năm tham gia quân đội. Tình hình sức khỏe của bị cáo yếu, bị mất 81% sức khỏe, hiện tại đang bị mắc nhiều bệnh như liệt  $\frac{1}{2}$  người do nhồi máu, sỏi thận, sỏi bàng quang, cao huyết áp. Bị cáo thật sự ăn năn hối cải thành khẩn khai báo, giúp đỡ cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ nội dung vụ án. Đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện được gia đình chăm sóc, chữa bệnh.

Ngày 03/5/2020 bị cáo Trần Phát Đ kháng cáo với nội dung: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật của đảng và nhà nước. Bản thân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự của người công dân đối với tổ quốc đóng quân nơi biên giới hải đảo từ tháng 2/1994 -3/1996. Trong quá trình công tác của bản thân đã được các cấp tặng nhiều bằng khen, giấy khen. Bị cáo nhận thấy bản án chưa đủ tính thuyết phục. Trong khi đó các bị cáo khác là chủ mưu, chức danh, chức vụ đảng chính quyền cao đều được tập huấn, triển khai hướng dẫn 42 của Sở TNMT của tỉnh, được xử nhẹ hơn và còn có cả bị cáo được hưởng án treo. Trong khi đó bị cáo là cán bộ chuyên môn giúp việc không phải là người tham mưu thu tiền mà chỉ thực hiện theo nghị quyết của Đảng và chỉ đạo của thường trực UBND xã (bị cáo chỉ tham mưu các mức thu phí theo quyết định số 01 của UBND tỉnh Nam Định năm 2008 về đơn giá trích đo các thửa đất). Còn việc tổ chức thu tiền và số tiền thu được bao nhiêu bị cáo chỉ được biết khi các cơ quan chức năng vào cuộc điều tra. Trong khi đó bị cáo Nguyễn Văn T là cán bộ chuyên môn tài chính kế toán khi thu tiền phí đo đạc 42 lần đầu được 45.000.000 đồng đem nộp vào kho bạc nhà nước huyện Nam Trực, nhưng không nộp được. Bị cáo T đã tham mưu cho thường trực ủy ban xã, thay đổi nội dung nộp tiền để nộp vào ngân sách, và tiếp tục tổ chức thu tiền. Như vậy bị cáo T là người thực hành tích cực. Nếu bị cáo T biết sai dừng lại ở số tiền 45.000.000 đồng và báo cáo lãnh đạo địa phương thì đã không xảy ra vụ án này. Trong khi đó tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T chỉ bị tuyên phạt 08 tháng tù, hưởng án treo và bị cáo lại không được hưởng tình tiết giảm nhẹ của người có công hoàn thành nghĩa vụ quân sự, giấy khen, bằng khen. Đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như các bị cáo khác.

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh Nam Định giữ nguyên nội dung kháng nghị, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kết luận về vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa 194 hộ dân tham gia tố tụng với tư cách là bị hại ảnh hưởng đến quyền lợi của họ và tại biên bản nghị án thì thời gian thử thách của bị cáo Nguyễn Văn T là 18 tháng nhưng tại bản án thì thời gian thử thách là 16 tháng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng Hình sự chấp nhận kháng nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Việc đề nghị hủy án sơ thẩm không liên quan đến việc cá thể hóa hình phạt của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn D trình bày: Không nhất trí với quan điểm của VKSND tỉnh Nam Định đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm không đưa 194 hộ dân tham gia tố tụng với tư cách bị hại vì: trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra không lấy lời khai 194 hộ dân này, VKSND huyện Nam Trực cũng không xác định và không đưa 194 hộ dân này vào danh sách triệu tập tham gia phiên tòa với tư cách bị hại, trong phần thủ tục phiên tòa, chủ tọa đã trưng cầu ý kiến của đại diện VKSND về thành phần những người tham gia phiên tòa, đại diện VKS nhất trí không có ý kiến gì đồng nghĩa với việc không xác định 194 hộ dân là bị hại. Khách thể của tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ là hành vi của các bị cáo xâm hại đến tính đúng đắn của hoạt động nhà nước, các bị cáo là những người có chức vụ quyền hạn, được giao nhiệm vụ thì phải tuân thủ các quy định đảm bảo tính đúng đắn của hoạt động nhà nước, ở đây là không cho phép được thu với các đối tượng không phải thu. 194 hộ dân sử dụng đất không hợp pháp, sẵn sàng nộp tiền để được công nhận quyền sử dụng đất, bản thân các bị cáo không có mục đích tư lợi nên không xác định là bị hại trong vụ án. Việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm và giao cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại để có sự tham gia của 194 hộ dân với tư cách là bị hại, theo đề nghị của Viện kiểm sát là không đúng quy định của pháp luật và không thể thực hiện được vì quá trình điều tra các cơ quan tiến hành tố tụng chưa tiến hành lấy lời khai đối với họ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn D vì bị cáo D là người cao tuổi, đã tự nguyện trả lại tiền cho 194 hộ dân với số tiền cao nhất, bị cáo D là bệnh binh nên đề nghị HĐXX áp dụng Pháp lệnh ưu đãi người có công để cho bị cáo D được hưởng án treo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về phần thủ tục: Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định ban hành theo đúng qui định tại Điều 336, Điều 337 Bộ



luật Tố tụng hình sự và đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập và qua quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, xét thấy Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã xét xử bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Quốc L, Trần Phát Đ và Nguyễn Văn T về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 282 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo đều thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với các bị cáo là đúng tội danh, chỉ đề nghị xem xét lại về hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:

Về thủ tục tố tụng: Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến hết tháng 12/2014, các bị cáo là những người có chức vụ quyền hạn đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thu tiền trái quy định pháp luật đối với 194 hộ dân ở xã N có diện tích đất vi phạm, với tổng số tiền là 171.628.276 đồng. Toàn bộ số tiền lệ phí đo đạc, sau khi thu của các hộ dân, các bị cáo đã nộp vào quỹ tiền mặt của UBND xã N để sử dụng vào việc đo đạc đất của các hộ vi phạm và chi cho các hoạt động khác của UBND xã N. Đến nay các bị cáo D, Đ và T đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền để trả cho 194 hộ dân, thông qua UBND xã N toàn bộ 194 hộ dân đã được nhận lại đầy đủ số tiền và các hộ dân cũng không có ý kiến khiếu nại hay có bất cứ yêu cầu nào khác. Như vậy, trong vụ án này 194 hộ dân chỉ là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, trong khi quyền lợi của họ là được nhận lại số tiền mà UBND xã N dưới sự chỉ đạo của các bị cáo đã thu của họ trái quy định của pháp luật. Trước và trong khi vụ án được khởi tố, điều tra các bị cáo và UBND xã N đã trả lại toàn bộ số tiền thu trái quy định cho 194 hộ dân và đều không có thắc mắc, khiếu kiện về khoản tiền này. Vì thế, Cơ quan điều tra đã không đưa họ vào tham gia tố tụng và không tiến hành triệu tập họ để lấy lời khai là không trái quy định của pháp luật, Đại diện Viện kiểm sát xác định 194 hộ dân này là bị hại trong vụ án là không phù hợp với các quy định của luật tố tụng hình sự, những luận điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo Trần Văn D khi đối đáp tại phiên tòa về vấn đề này, là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập 194 hộ dân này tham gia tố tụng với tư cách là bị hại, là đúng quy định mà chỉ có thể triệu tập họ với tham gia phiên tòa với tư cách là Người làm chứng. Tuy nhiên, vụ án này các bị cáo đều nhận tội hành vi của các bị cáo đã được chứng minh bằng các chứng cứ khác và các bị cáo đều không kêu oan, do đó không cần thiết phải triệu tập đến để xét hỏi. Vì vậy, việc không đưa 194 hộ dân này tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến bản chất, nội dung vụ án, không xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Nam Định đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại có sự tham gia tố tụng của 194 hộ dân với tư cách bị hại trong vụ án.

Tại biên bản nghị án thì thời gian thử thách của bị cáo Nguyễn Văn T là 18 tháng nhưng tại bản án thì thời gian thử thách là 16 tháng. Qua giải trình của Thẩm phán chủ tọa của Tòa án cấp sơ thẩm thì đây là thiếu sót khi rà soát. Xét thấy bản án sơ thẩm có sự sai sót về lỗi chính tả cần rút kinh nghiệm đối với Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm.

Về vấn đề cá thể hóa hình phạt của các bị cáo: Tại phiên tòa đại diện VKND tỉnh Nam Định không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Quốc L, xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Phát Đ: Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến hết tháng 12/2014, các bị cáo là những người có chức vụ quyền hạn, được Đảng, nhà nước và nhân dân bầu, bổ nhiệm, cụ thể: Nguyễn Quốc L với cương vị là Bí thư Đảng ủy xã N, Trần Văn D với cương vị là Chủ tịch UBND xã N, Trần Phát Đ với cương vị là công chức địa chính xây dựng xã N, trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao, đều biết rõ quy định của nhà nước về chi phí đo đạc đất vi phạm được lấy từ ngân sách của UBND xã N, nhưng vì động cơ vụ lợi cho tập thể địa phương, đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thu tiền trái quy định pháp luật đối với 194 hộ dân ở xã N có diện tích đất vi phạm, với tổng số tiền là 171.628.276 đồng (một trăm bảy mươi triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn hai trăm bảy sáu đồng). Hành vi nêu trên của bị Trần Văn D, Nguyễn Quốc L, Trần Phát Đ đã bị cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" theo tại khoản 1 Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999, là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời cấp sơ thẩm căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đã phạt bị cáo Trần Văn D 09 tháng tù, Nguyễn Quốc L 09 tháng tù, Trần Phát Đ 12 tháng tù là đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo như việc các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền để bồi thường cho các hộ dân, Trần Văn D, Nguyễn Quốc L trong quá trình tham gia quân đội và công tác tại địa phương đã có nhiều thành tích xuất sắc, được tặng nhiều huân, huy chương và giấy khen các cấp, bị cáo D quá trình tham gia trong quân đội mất sức lao động 61%, được hưởng chế độ bệnh binh. Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định hình phạt đối với bị cáo D, bị cáo L dưới mức hình phạt bị truy tố, là đã quá nhẹ chưa thực sự tương xứng với tính chất mức độ tội phạm. Tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của Trần Văn D và Nguyễn Quốc L.

Bị cáo Trần Phát Đ khai trong thời gian tham gia quân đội được tặng thưởng nhiều huân, huy chương, giấy khen nhưng không xuất trình được. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới làm căn cứ giảm

nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt đối với các bị cáo có phần chưa tương xứng với tính chất tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, nhưng do kháng nghị của Viện kiểm sát không đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo, nên Hội đồng xét xử kiến nghị cấp giám đốc thẩm xem xét theo thẩm quyền.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Quốc L, Trần Phát Đ; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giam từ ngày 28/8/2019 đến ngày 30/10/2019, về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”

- Căn cứ khoản 1 Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Phát Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giam từ ngày 28/8/2019 đến ngày 30/10/2019, về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7, điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày 28/4/2020, về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Quốc L, Trần Phát Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; người liên quan;
- VKSND-CA tỉnh Nam Định;
- TAND-VKS-CA huyện Nam Trực;
- Chi cục Thi hành án huyện Nam Trực;
- UBND xã N, huyện Nam Trực;
- Lưu HS, VP.

**(Đã ký)**

**Lê Hoài Nam**



